

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2023/HS-ST**

Ngày: 15-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Trần Hữu C, sinh năm: 1969.

+ Nơi sinh: tỉnh Bến Tre;

+ Nơi cư trú: số 48/2, ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre;

+ Nghề nghiệp: viên chức;

+ Trình độ học vấn: lớp 12/12;

+ Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

+ Con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị A (đã chết);

+ Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1974;

+ Bị cáo có 01 người con sinh năm 2008;

+ Tiền án, tiền sự: không có;

+ Bị cáo được điều tra tại ngoại, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 76/3, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

+ Ngô Hồng N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 258, ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu C là viên chức công tác tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre. Năm 2018, Trần Hữu C đã có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B, nhưng theo quy định để được thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III phải có chứng chỉ tiếng Anh theo khung 6 bậc (bậc 2 trở lên). Khi đó, Chí nghe người quen (không nhớ được cụ thể là ai) nói Nguyễn Hoàng V là Bác sĩ công tác chung tại Trung tâm y tế huyện T biết người để nhờ mua. Sau đó, C liên lạc với V để hỏi thì V cho số điện thoại di động của Ngô Hồng N nhưng lúc đó Vũ không nói tên cho Chí biết mà chỉ nói Chí liên hệ số điện thoại này. Chí liên lạc vào số điện thoại mà V cho C nhưng không ai không nghe máy. Vài ngày sau, có số điện thoại lạ gọi lại hỏi C có nhu cầu mua chứng chỉ tiếng Anh B1 theo khung 6 bậc mà không cần phải đi học, đi thi thì C đồng ý. Hai bên thống nhất mua với giá 2.300.000 đồng.

Sau khi đã mua được chứng chỉ nói trên, đến năm 2019, Trần Hữu C đã sử dụng Chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1), số hiệu A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ B1-0864/ĐHSP-TTNN ghi trường Đại học S cấp ngày 18/8/2018 nộp cho Trung tâm y tế huyện T để xét thăng hạng viên chức hạng IV lên hạng III. Theo quy định để được xét thăng hạng III phải có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Kết quả Trần Hữu C không được xét thăng hạng viên chức lên hạng III do trong niên hạn có một năm xếp loại cán bộ hoàn thành nhiệm vụ.

Tại Công văn số 2064/ĐHSP-TTĐT ngày 29/12/2021 của trường Đại học S xác định không cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1) số hiệu A2904514, cho Trần Hữu C.

Tại Kết luận giám định số 353/2022/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký mang tên “Huỳnh Văn S” trên chứng chỉ tiếng anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/ĐHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S, cấp cho Trần Hữu C, sinh ngày: 17/07/1969, nơi sinh: Bến Tre, đã hoàn thành khóa học từ ngày 11 tháng 06 năm 2018 đến ngày 27 tháng 07 năm 2018, đề hội đồng kiểm tra: Đại học T, ngày 11/08/2018, xếp loại: Bậc 3/6 (tương đương cấp độ B1 theo khung CEFR), đề ngày cấp 18 tháng 08 năm 2018 (ký hiệu A8) so với chữ ký mang tên Huỳnh Văn S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung “Bộ Giáo dục và Đào tạo – Trường Đại học T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A8) là hình dấu giả được làm giả bằng phương pháp in lưới (lụa).

Vật chứng thu giữ: 01 chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/ĐHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S, cấp cho Trần Hữu C, sinh ngày: 17/07/1969, nơi sinh: Bến Tre, đã hoàn thành khóa học từ ngày 11 tháng 06 năm 2018 đến ngày 27 tháng 07 năm 2018, đề hội đồng kiểm tra: Đại học T, ngày 11/08/2018, xếp loại: Bậc 3/6 (tương đương cấp độ B1 theo khung CEFR), đề cấp ngày 18 tháng 08 năm 2018, do Trần Hữu C giao nộp.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã truy tố trước Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để xét xử bị cáo Trần Hữu C về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Hữu C khai: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị bức cung, dùng nhục hình, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ là do bị cáo tự nguyện khai báo. Năm 2018, để có chứng chỉ tiếng Anh xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, bị cáo được người quen (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nói Nguyễn Hoàng V công tác chung với bị cáo biết người để nhờ mua nhanh chứng chỉ tiếng Anh theo khung 6 bậc (bậc 2 trở lên) mà không cần phải đi học, đi thi nên bị cáo đã liên hệ với V và được V cho số điện thoại để liên lạc mua chứng chỉ tiếng Anh. Sau đó, có số điện thoại liên lạc với bị cáo trao đổi thông tin và hai bên thỏa thuận bị cáo mua chứng chỉ tiếng Anh B1 với giá 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng) và có người thi hộ. Năm 2019, bị cáo sử dụng chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/ĐHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S nộp cho Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre để xét thăng hạng viên chức. Kết quả bị cáo không được thăng hạng viên chức lên hạng III do trong niên hạn xét có một năm xếp loại cán bộ hoàn thành nhiệm vụ. Khi có chứng chỉ tiếng Anh, bị cáo không biết là chứng chỉ giả vì khi thỏa thuận mua thì người đó nói là chứng chỉ thật và có người thi hộ nên bị cáo mới tin, tuy nhiên khi cơ quan Công an phát hiện là chứng chỉ giả bị cáo không có ý kiến, bị cáo đồng ý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Hữu C phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu C từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: 01 chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/ĐHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S, cấp cho Trần Hữu C, sinh ngày: 17/07/1969, nơi sinh: Bến Tre, đã hoàn thành khóa học từ ngày 11 tháng 06 năm 2018 đến ngày 27 tháng 07 năm 2018, đề hội đồng kiểm tra: Đại học T, ngày 11/08/2018, xếp loại:

Bậc 3/6 (tương đương cấp độ B1 theo khung CEFR), đề cấp ngày 18 tháng 08 năm 2018 do bị cáo Trần Hữu C giao nộp đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa có hai người làm chứng Nguyễn Hoàng V và Ngô Hồng N vắng mặt, bị cáo không có ý kiến, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa do sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Thấy rằng, người làm chứng Nguyễn Hoàng V và Ngô Hồng N đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng tại Cơ quan điều tra. Vì vậy, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự phiên tòa vẫn tiếp tục xét xử.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thống nhất với nhau, phù hợp với kết luận giám định, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào năm 2019, Trần Hữu C là viên chức công tác tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre, đã sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là Chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp độ B1), số hiệu A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ B1-0864/ĐHSP-TTNN ghi trường Đại học S cấp ngày 18/8/2018 nộp cho Trung tâm y tế huyện T để hoàn thành hồ sơ xét thăng hạng viên chức hạng IV lên hạng III. Theo quy định lúc đó để được xét thăng hạng III phải có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Kết quả bị cáo Trần Hữu C không được xét thăng hạng viên chức lên hạng III do trong niên hạn xét có một năm xếp loại cán bộ hoàn thành nhiệm vụ.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Hữu C là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ bản thân không trải qua kỳ thi nào để được Cơ quan tổ chức có thẩm quyền cấp chứng chỉ tiếng Anh mà bị cáo đã bỏ tiền ra mua chứng chỉ được làm giả và dùng chứng chỉ này để nộp cho cơ quan nơi bị cáo làm việc nhằm mục đích xét thăng hạng viên chức cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào trật

tự quản lý hành chính, làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố bị cáo Trần Hữu C về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Hữu C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Hữu C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của các cơ quan trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung cho cộng đồng là phù hợp với Điều 36 Bộ luật Hình sự. Do điều kiện, hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh kinh tế thì thấy, bị cáo có thu nhập chính trong gia đình, bị cáo đang nuôi con chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, lưu hồ sơ vụ án 01 chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/DHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S, cấp cho Trần Hữu C, sinh ngày: 17/07/1969, nơi sinh: Bến Tre, đã hoàn thành khóa học từ ngày 11 tháng 06 năm 2018 đến ngày 27 tháng 07 năm 2018, đề hội đồng kiểm tra: Đại học T, ngày 11/08/2018, xếp loại: Bậc 3/6 (tương đương cấp độ B1 theo khung CEFR), đề cấp ngày 18 tháng 08 năm 2018.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả của hành vi, tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về áp dụng hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử như đã phân tích nêu trên.

[9] Đối với hành vi Nguyễn Hoàng V, Ngô Hồng N qua quá trình điều tra không chứng minh được hành vi giúp sức của Nam và Vũ để bị cáo Chí sử dụng bằng giả nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu C phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Trần Hữu C cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Hữu C.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Lưu vào hồ sơ vụ án 01 chứng chỉ tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, số A2904514, số vào sổ cấp chứng chỉ: B1-0864/ĐHSP-TTNN, đề hiệu trưởng Trường Đại học S, cấp cho Trần Hữu C, sinh ngày: 17/07/1969, nơi sinh: Bến Tre, đã hoàn thành khóa học từ ngày 11 tháng 06 năm 2018 đến ngày 27 tháng 07 năm 2018, đề hội đồng kiểm tra: Đại học T, ngày 11/08/2018, xếp loại: Bậc 3/6 (tương đương cấp độ B1 theo khung CEFR), đề cấp ngày 18 tháng 08 năm 2018.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Hữu C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Bộ phận HS CA huyện Thạnh Phú (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi Cục THADS huyện P (1b);
- Bị cáo (1b);
- UBND thị trấn T, huyện Ph (1b);
- Lưu: HS; VP; KTNV (5b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Duyên – Lê Khắc Hiệp

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân dân xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh

